

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 3 - 2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hoàng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Thành C, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Q, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Thành C trình bày:

Về hôn nhân: vào tháng 3/1997, ông C và bà Hồ Thị Q tự nguyện tổ chức lễ cưới, đến ngày 07/12/2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên không còn hạnh phúc. Ông C và bà Q sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Về

hôn nhân: Ông C yêu cầu ly hôn với bà Q; về con chung: trong thời gian chung sống ông C và bà Q có hai con chung tên Võ Nhựt T, sinh ngày 20/10/1998 và Võ Lam T1, sinh ngày 15/12/2003, hiện nay Võ Nhựt T và Võ Lam T1 đều đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động để nuôi bản thân, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn số 21, do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp, đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2004; họ và tên chồng Võ Thành C, sinh năm 1973, họ và tên vợ Hồ Thị Q, sinh năm 1976, (bản chính); Giấy khai sinh số 737, họ và tên Võ Nhựt T, ngày tháng năm sinh 20/10/1998, họ và tên cha Võ Thành C, họ và tên mẹ Hồ Thị Q, do Ủy ban nhân dân xã A 3 cấp (bản sao); Giấy khai sinh số 78, họ và tên Võ Lam T1, ngày tháng năm sinh 15/12/2003, họ và tên cha Võ Thành C, họ và tên mẹ Hồ Thị Q do Ủy ban nhân dân xã A 3 cấp (bản sao). Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp được cơ quan có thẩm quyền cấp nên hợp pháp, đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn bà Hồ Thị Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, bà Q không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa bà Q vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự bà Nguyễn Thị C1 vào ngày 03/3/2025, bà C1 trình bày: Bà Hồ Thị Q là con ruột của bà C1, sống chung với gia đình bà từ giữa năm 2019 cho đến nay. Bà Q đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bà Q không đồng ý đến Tòa án vì bận đi làm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: xử cho ông C ly hôn với bà Q; về con chung: con chung của ông C và bà Q đã thành niên, ông C không yêu cầu giải quyết, không xem xét giải quyết; tài sản chung và nợ chung: ông C không yêu cầu, không xem xét; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn đang cư trú tại ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn ông Võ Thành C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn bà Hồ Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn ông C được triệu tập hợp lệ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông C. Ông C và bà Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Ông C và bà Q không chung sống cùng nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay. Từ đó đến nay, ông bà không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Xét hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của ông C được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: trong thời gian chung sống ông C và bà Q có hai con chung tên Võ Nhựt T, sinh ngày 20/10/1998 và Võ Lam T1, sinh ngày 15/12/2003, hiện nay Võ Nhựt T và Võ Lam T1 đều đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động để nuôi bản thân, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Q không có ý kiến đối với yêu cầu của ông C, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu giải quyết, bà Q không có ý kiến đối với yêu cầu của ông C, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Q không chịu án phí; ông C phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành C.

1. Về hôn nhân: cho ông Võ Thành C và bà Hồ Thị Q ly hôn.
2. Về con chung: con chung tên Võ Nhựt T, sinh ngày 20/10/1998 và Võ Lam T1, sinh ngày 15/12/2003, hiện nay Võ Nhựt T và Võ Lam T1 đều đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động để nuôi bản thân, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Q không có ý kiến về con chung, nên không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu, bà Q không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.
4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Q không phải chịu án phí; ông C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng ông C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006924 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, ông C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên bản, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng TTr - KT - THA);
- UBND xã An Thạnh 3;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan